

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 05/2021/DSST

Ngày: 16/4/2021.

*“V/v: Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng.
- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trương Công Chừ
+ Ông Võ Hoài Long
- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Đức Quang – Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 169/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS, ngày 25/02/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS ngày 18/3/2021, giữa:

-Nguyên đơn: Ngân hàng H.

Địa chỉ: 25 Bis K, phường N, Q 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Tổng giám đốc.

Địa chỉ: 25 Bis, K, phường N, Q 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H – Giám đốc trung tâm kiêm Trưởng phòng xử lý nợ. Văn bản ủy quyền số 1482/2020/QĐ-TGD ngày 08/7/2020.

Người đại diện theo ủy quyền lại:

Bà Phạm Thị Đỗ Q

Địa chỉ: H Gia Lai, K1, 2, 3, 4 số 01 đường Đ, Thành phố P, tỉnh Gia Lai. Là chuyên viên. Theo Giấy ủy quyền ngày 05/10/2020.

(Có mặt)

-Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L. Địa chỉ: T 1, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Đỗ Q trình bày:

Ngân hàng H đã cho bà Vi Thị Mỹ L và ông Huỳnh Tấn H1 vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 49/19/CNGL/HĐTD ngày 28/01/2019. Ông H1, bà L đã được giải ngân số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 30/01/2019. Lãi suất là 11%/năm, mức lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ. Ngày đến hạn trả nợ là ngày 30/01/2020.

Đến hạn trả nợ, ông H1, bà L đã được Ngân hàng đôn đốc nhắc nợ nhiều lần nhưng ông H1, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu ông H1, bà L phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng, cụ thể: Tiền gốc tính đến ngày hôm nay (ngày 16/4/2021) là 249.999.907 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 16/4/2021 là 71.664.440 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông H1, bà L có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất các thửa đất số 207, tờ bản đồ số 10, tại T 1, xã P, huyện P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 307938 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 21/09/2017 và thửa đất số 89, tờ bản đồ số 10 tại thôn 1, xã Ia Pia, huyện P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 265612 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 04/9/2014. Các tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 49/19CNGL/HĐBĐ ngày 28/01/2019 được Công chứng tại Văn phòng số 1 tỉnh Gia Lai.

Trường hợp ông H1, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Quyết định về việc uỷ quyền số 1482/2020/QĐ-TGD ngày 08/7/2020; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (bản sao y); Quyết định về việc bổ nhiệm tổng giám đốc số 68/2020/QĐ-HĐQT ngày 02/4/2020 (bản sao); Quyết định điều chuyển, bổ nhiệm cán bộ số 59^A/2018/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2018 (bản sao); Giấy uỷ quyền ngày 05/10/2020; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 49/19CNGL/HĐTD ngày 28/01/2019 (bản sao y); Đề

ng nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 49/19CNGL/HĐTD/KUNN01 ngày 30/01/2019 (bản sao y);

Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 28/01/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 28/01/2019 (bản sao y); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 265612 và số CK 307938 (bản sao y); Sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô).

Các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Bản tự khai; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L thực hiện không đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 466, 470 401, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng H.

Buộc ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L liên đới trả nợ cho Ngân hàng số tiền cụ thể như sau:

Tiền gốc là 249.999.907 đồng;

Tiền lãi và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử theo quy định.

Đối với án phí và chi phí thẩm định tại chỗ: buộc ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng về việc thẩm định tại chỗ theo quy định và trả lại số tiền 3.00.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng H đã tạm ứng theo giấy thu tiền ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện P

Trường hợp ông H1 và bà L không trả được nợ thì nguyên đơn được quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng H khởi kiện ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L để yêu cầu trả số nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 49/19CNGL/HĐTD ngày 28/01/2019. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn phù hợp theo quy định nên được Tòa án chấp nhận. Ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L không có đăng ký kinh doanh và cư trú tại T 1, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai, do vậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng

dân sự, đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tranh chấp hợp đồng tín dụng:

[2.1] Tính hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 49/19CNGL/HĐTD ngày 28/01/2019 được ký kết giữa một bên cấp tín dụng là Ngân hàng H, đại diện theo uỷ quyền Ngân hàng H - Chi nhánh Gia Lai với một bên được cấp tín dụng là ông Huỳnh Tấn H1, bà Vi Thị Mỹ L có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi:

Ngân hàng H - Chi nhánh Gia Lai đã giải ngân cho ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L số tiền 250.000.000 đồng theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 49/19/CNGL/HĐTD/KUNN01 ngày 30/01/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H1, bà L chỉ trả được một phần tiền nợ gốc là 93 đồng. Từ ngày 30/7/2019 cho đến nay, ông H1, bà L không thanh toán gốc và lãi theo Hợp đồng, vi phạm về nghĩa vụ trả lãi và gốc cho Ngân hàng. Do vậy Ngân hàng khởi kiện buộc ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng là có căn cứ pháp luật. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/4/2021, ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 249.999.907 đồng và tiền lãi là 71.664.440 đồng trong đó lãi trong hạn là 13.696.305 đồng, lãi quá hạn và lãi phạt lãi trong hạn chậm trả là 57.968.135 đồng.

Số tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tương ứng với thời hạn vay và trả nợ phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, đúng theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng. Như vậy, cần buộc ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ chung trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền 321.664.347 đồng. Trong đó nợ gốc là: 249.999.907 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 16/4/2021 là: 71.664.440 đồng.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 49/19CNGL/HĐBĐ ngày 28/01/2019 được Công chứng viên Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai chứng nhận và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện P vào ngày 29/01/2019, giữa Ngân hàng H - Chi nhánh Gia Lai với ông Huỳnh Tấn H1, bà Vi Thị Mỹ L là để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số

49/19CNGL/HĐTD ngày 28/01/2019. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực thi hành. Do vậy nếu ông H1 và bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 49/19CNGL/HĐBĐ ngày 28/01/2019 để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí tố tụng:

Chi phí thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 3.000.000 đồng. Do yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ vào các điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông H1 và bà L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền chi phí thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, do vậy cần buộc ông H1 và bà L phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng chi phí thẩm định.

[5] Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên căn cứ các điều 143, 144 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Cụ thể ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ chung chịu $(321.664.347 \text{ đồng} \times 5\%) = 16.083.217 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lý do trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 158, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 298, 299, 317, 320, 323, 398, 401 và 463 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều: 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng H

Buộc ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ chung trả cho Ngân hàng H số tiền tổng cộng là 321.664.347 đồng (*Ba trăm hai mươi một triệu sáu trăm sáu mươi tư ngàn ba trăm bốn mươi bảy đồng*). Trong đó nợ gốc là 249.999.907 đồng (*Hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm lẻ bảy đồng*); Nợ lãi tính đến ngày 16/4/2021 là 71.664.440 đồng (*bảy mươi một triệu sáu trăm sáu mươi tư ngàn bốn trăm bốn mươi đồng*) gồm nợ lãi trong hạn là 13.696.305 đồng; nợ lãi quá hạn và lãi phạt đối với số tiền lãi trong hạn chưa trả là 57.968.135 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L có nghĩa vụ chung trả liền lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng

2. Trong trường hợp ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng H có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Tài sản thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 49/19CNGL/HĐBĐ ngày 28/01/2019 được Công chứng viên Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện P vào ngày 29/01/2019 giữa Ngân hàng H - Chi nhánh Gia Lai với ông Huỳnh Tấn H1, bà Vi Thị Mỹ L gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất các thửa đất số 207, tờ bản đồ số 10, tại T 1, xã P, huyện P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 307938 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 21/09/2017 và thửa đất số 89, tờ bản đồ số 10 tại T 1, xã P, huyện P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 265612 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 04/9/2014

Ngân hàng H - Chi nhánh Gia Lai có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L giấy tờ về tài sản thế chấp gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 307938 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 21/09/2017 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 265612 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 04/9/2014 sau khi ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L trả đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ chung hoàn trả cho Ngân hàng H số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Huỳnh Tấn H1 và bà Vi Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ chung chịu 16.083.217 đồng (*Mười sáu triệu không trăm tám mươi ba ngàn hai trăm mười bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.317.000 đồng (*bảy triệu ba trăm mười bảy ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006637 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện P;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Quảng

